**HƯỚNG DẪN ÔN TẬP THI OLYMPIC**

**MÔN: ĐỊA LÍ 10**

**PHẦN I: CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1.** Tỉ lệ bản đồ 1:10.000.000 cho biết 1cm trên bản đồ tương ứng với bao nhiêu ki lô mét ngoài thực địa?

**A**. 10. **B**. 100. **C**. 1000. **D**. 10000.

**Câu 2.** Tỉ lệ 1: 9.000.000 cho biết 1 cm trên bản đồ ứng với ngoài thực địa là

**A**. 90 km. **B**. 90 m. **C.** 90 dm. **D**. 90 cm.

**Câu 3**. Hãy cho biết 5cm trên bản đồ có tỉ lệ 1:6.000.000 tương ứng với bao nhiêu ki lô mét ngoài thực tế?

**A**. 400. **B**. 500. **C.** 300. **D**. 600.

**Câu 4.** Sống núi ngầm giữa Đại Tây Dương được hình thành do sự tiếp xúc giữa những mảng kiến tạo

**A**. mảng Thái Bình Dương và mảng Bắc Mĩ.

**B**. mảng Phi và mảng Nam Cực.

**C**. mảng Âu – Á và mảng Ấn Độ - Ôxtrâylia.

**D.** mảng Âu – Á và mảng Bắc Mĩ.

**Câu 5.** Dãy núi Hi-ma-lay-a được hình thành do

**A.** tiếp xúcdồn ép của mảng Bắc Mĩ với mảng Âu - Á.

**B.** tiếp xúc dồn ép của mảng Phi với mảng Âu - Á.

**C.** mảng Thái Bình Dương xô vào mảng Âu - Á.

**D.** mảng Ấn Độ - Ôxtrâylia xô vào mảng Âu - Á.

**Câu 6.** Dãy núi An-đét được hình thành là do có sự tiếp xúc giữa những mảng kiến tạo

**A.** mảng Thái Bình Dương và mảng Bắc Mĩ.

**B**. mảng Nam Mĩ và mảng Bắc Mĩ.

**C**. mảng Âu – Á và mảng Ấn Độ - Ôxtrâylia.

**D**. mảng Phi và mảng Nam Cực.

**Câu 7.** Tiếp xúc tách dãn giữa mảng Bắc Mĩ và mảng Âu – Á đã hình thành

**A.** sống núi ngầm giữa Đại Tây Dương.

**B.** các đảo núi lửa ở Thái Bình Dương.

**C.** vực biển sâu Marian ở Thái Bình Dương.

**D.** khu vực núi ngầm ở Thái Bình Dương.

**Câu 8.** Sự khác nhau giữa lớp vỏ lục địa và lớp vỏ đại dương là

**A.** vỏ lục địa ít tầng đá hơn vỏ đại dương.

**B.** vỏ lục địa dày hơn vỏ đại dương.

**C.** tầng granit ở vỏ đại dương dày hơn vỏ lục địa.

**D.** vỏ đại dương dày hơn vỏ lục địa.

**Câu 9.** Mảng kiến tạo nào sao đây toàn là vỏ đại dương?

**A.** Mảng Ấn Độ, Ô-xtrây-li-a.

**B.** Mảng Thái Bình Dương.

**C.** Mảng Phi.

**D.** Mảng Nam Mĩ.

**Câu 10.** Khu vực In-đô-nê-xia thường bị động đất là do sự di chuyển của những mảng kiến tạo

**A**. Phi và Nam Cực.

**B**. Bắc Mĩ và Nam Mĩ.

**C.** Ấn Độ - Ôxtrâylia và Âu – Á.

**D**. Thái Bình Dương và Phi.

**Câu 11.** Sống núi ngầm dưới đáy Đại Tây Dương là kết quả của vận động

**A.** tách dãn giữa mảng Bắc Mỹ và mảng Âu – Á.

**B.** dồn ép giữa mảng Bắc Mỹ và mảng Âu – Á.

**C.** tách dãn giữa mảng Ấn Độ và mảng Âu – Á.

**D.** dồn ép giữa mảng Ấn Độ và mảng Âu – Á.

**Câu 12**. Dãy núi Himalaya được hình thành do hai mảng nào xô vào nhau?

**A.** Mảng Ấn Độ - Ôxtrâylia và mảng Thái Bình Dương.

**B.** Mảng Thái Bình Dương và mảng Âu - Á.

**C.** Mảng Ấn Độ - Ôxtrâylia và mảng Âu - Á.

**D.** Mảng Phi và mảng Âu - Á.

**Câu 13.** Sống núi ngầm giữa Đại Tây Dương được hình thành do sự tiếp xúc giữa những mảng kiến tạo nào sau đây?

**A.** Mảng Phi và mảng Nam Cực.

**B.** Mảng Thái Bình Dương và mảng Bắc Mĩ.

**C.** Mảng Âu - Á và mảng Bắc Mĩ.

**D.** Mảng Âu - Á và mảng Ấn Độ - Ôxtrâylia.

**Câu 14.** Sự khác nhau giữa lớp vỏ lục địa và lớp vỏ đại dương là

**A.** vỏ lục địa có chiều dày lớn hơn vỏ đại dương.

**B.** vỏ đại dương có chiều dày dày hơn vỏ lục địa.

**C.** vỏ đại dương có tầng granit dày hơn vỏ lục địa.

**D.** vỏ lục địa không cấu tạo đủ ba tầng đá như vỏ đại dương.

**Câu 15.** Các hoạt động như động đất, núi lửa lại phân bố thành các vành đai là do

**A.** chúng xuất hiện ở nơi tiếp xúc giữa các mảng.

**B.** chúng xuất hiện ranh giới các đại dương.

**C.** chúng xuất hiện ở nơi tiếp xúc lục địa và đại dương.

**D.** sự phân bố xen kẻ của lục địa và đại dương.

**Câu 16**. Trong khoảng thời gian từ 21 - 3 đến 23 - 9 ở bán cầu Bắc có ngày dài hơn đêm do

**A**. bán cầu Bắc là mùa thu và mùa đông.

**B**. vận tốc chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời giảm đi

**C**. bán cầu Bắc ngả về phía Mặt Trời

**D**. bán cầu Bắc chếch xa Mặt Trời

**Câu 17**. Lượng nhiệt nhận được từ Mặt Trời tại 1 điểm phụ thuộc nhiều vào

**A**. Góc nhập xạ nhận được và thời gian được chiếu sáng.

**B**. Thời gian được chiếu sáng và vận tốc tự quay của Trái Đất.

**C**. Vận tốc chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời.

**D**. Khoảng cách từ Trái Đất đến Mặt Trời.

**Câu 18**. Các địa điểm ở vùng ngoại tuyến bán cầu Bắc trong năm luôn thấy Mặt Trời mọc ở hướng

**A**. chính đông. **B**. chếch về phía đông nam.

**C**. chếch về phía đông bắc. **D**. đông đông bắc.

**Câu 19**. Các địa điểm ở vùng ngoại tuyến bán cầu Nam trong năm luôn thấy Mặt Trời mọc ở hướng

**A**. chính đông. **B**. chếch về phía đông nam.

**C**. chếch về phía đông bắc. **D**. đông đông nam.

**Câu 20.** Việt Nam (nằm ở múi giờ số 7) muộn hơn Nhật Bản (nằm ở múi giờ số 9) là

**A**. 1 giờ. **B.** 2 giờ. **C.** 3 giờ. **D.** 4 giờ.

**Câu 21**. Khi ở khu vực giờ gốc là 5 giờ sáng, thì ở Việt Nam lúc đó là mấy giờ?

**A**. 4 giờ sáng. **B**. 12 giờ trưa.

**C.** 7 giờ tối. **D**. 12 giờ đêm.

**Câu 22**. Khi ở khu vực giờ gốc là 23 giờ 1/1/2019, thì ở Việt Nam lúc đó là mấy giờ?

**A**. 16 giờ. **B**. 6 giờ sáng.

**C**. 4 giờ. **D**. 6 giờ đêm.

**Câu 23.** Khi Trái Đất tự quay quanh trục, mọi địa điểm thuộc các vĩ độ khác nhau ở bề mặt Trái Đất (trừ hai cực) đều có

**A.** vận tốc dài giống nhau. **B.** vận tốc dài khác nhau.

**C**. vận tốc góc rất lớn. **D.** vận tốc góc rất nhỏ.

**Câu 24.** Khi Trái Đất tự quay quanh trục, ở cực Bắc và cực Nam đều có

**A.** vận tốc dài giống nhau. **B.** vận tốc dài khác nhau.

**C.** vận tốc góc rất lớn. **D**.vận tốc góc rất nhỏ.

**Câu 25.** Khi Trái Đất tự quay quanh trục, những điểm nào sau đây của Trái Đất có vận tốc dài bằng 0?

**A**. cực Bắc và cực Nam. **B**. cực Bắc và Xích đạo.

**C.** cực Nam và chí tuyến. **D.** cực Nam và Xích đạo.

**Câu 26**. Trong các hệ quả của chuyển động tự quay quanh trục, có ý nghĩa nhất đối với sự sống là

**A**. sự luân phiên ngày đêm.

**B**. giờ trên Trái Đất và đường chuyển ngày quốc tế.

**C**. sự lệch hướng chuyển động của các vật thể.

**D**. cơ sở xây dựng mạng lưới tọa độ trên Trái Đất.

**Câu 27.** Lí do nào sau đây làm cho đường chuyển ngày quốc tế **không** đi qua các lục địa?

**A**. Để cho mỗi nước không có hai ngày lịch trong cùng một thời gian.

**B.** Để cho mỗi nước không có hai giờ khác nhau trong cùng một lúc.

**C.** Để cho mỗi quốc gia có cùng chung một ngày lịch ở hai địa điểm.

**D**. Để cho mỗi quốc gia có hai ngày lịch ở trong cùng một thời gian.

**Câu 28**. Khi ở Việt Nam là 2 giờ sáng ngày 31/12/2020 thì ở Luân đôn (Khu vực giờ gốc) là mấy giờ? ngày nào?

**A.** 19h ngày 1/2/202021. **B**. 19h ngày 30/12/2020.

**C**. 19h ngày 30/12/2019. **D**. 9h ngày 30/12/2020.

**Câu 29 .** Khi ở kinh tuyến 105 độ kinh Đông là 7 giờ, thì ở kinh tuyến 105 độ 2 phút kinh Đông có giờ địa phương là 7 giờ 0 phút

**A.** 4 giây. **B**. 8 giây. **C.** 12 giây. **D.** 16 giây.

**Câu 30.** Góc nhập xạ của tia sáng Mặt Trời lúc giữa trưa tại Xích đạo vào ngày 21 - 3 và 23 - 9 là

**A**. 90o. **B**. 60o. **C**. 180o. **D**. 66o33’.

**Câu 31.** Hiện tượng khác nhau về thời gian ngày và đêm trong câu ca dao *“Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng; Ngày tháng mười chưa cười đã tối”* xảy ra *ở* khu vực nào sau đây?

**A**. Bán cầu Bắc. **B**. Bán cầu Nam.

**C**. Vòng cực Bắc. **D**. Vòng cực Nam.

**Câu 32.** Cực Bắc là nơi có

**A.** 186 ngày toàn đêm và 179 ngày toàn ngày.

**B.** 186 ngày toàn ngày và 186 ngày toàn đêm.

**C**. 179 ngày toàn ngày và 179 ngày toàn đêm.

**D.** 186 ngày toàn ngày và 179 ngày toàn đêm.

**Câu 33**. Các hồ lớn nằm ở giữa lục địa Trung Phi như Victoria, Tanzania là kết quả của hiện tượng

**A**. biến tiến. **B**. biển thoái.

**C**. uốn nếp. **D.** đứt gãy.

**Câu 34.** Sông nào sau đây ở Việt Nam chảy trên một đứt gãy kiến tạo?

**A**. Hồng. **B.** Cả.

**C.** Thu Bồn. **D.** Đồng Nai.

**Câu 35.** Quá trình hình thành hệ thống núi Hi-ma-lay-a, hệ thống núi Hi-ma-lay-a là hệ quả của dạng tiếp xúc nào sau đây của hai mảng kiến tạo?

**A.** Tách giãn. **B.** Hội tụ (va chạm).

**C.** Hội tụ (hút chìm). **D**. Chuyển dạng (trượt qua nhau).

**Câu 36.**Quá trình hình thành hệ thống núi lửa (cung núi lủa) thuộc quần đảo Nhật Bản, hệ thống núi núi lửa thuộc Nhật Bản là hệ quả của dạng tiếp xúc nào sau đây của hai mảng kiến tạo?

**A.** Tách giãn. **B.** Hội tụ (va chạm).

**C.** Hội tụ (hút chìm). **D.** Chuyển dạng (trượt qua nhau).

**Câu 37.** Quá trình hình thành hệ thống núi lửa thuộc dãy An-đet ở lục địa Nam Mỹ, hệ thống núi núi lửa thuộc dãy An-đet ở lục địa Nam Mỹ là hệ quả của dạng tiếp xúc nào sau đây của hai mảng kiến tạo?

**A.** Tách giãn. **B**. Hội tụ (va chạm).

**C.** Hội tụ (hút chìm). **D**. Chuyển dạng (trượt qua nhau).

**Câu 38:** Quá trình phong hóa xảy ra mạnh nhất ở bề mặt Trái Đất là do đá

**A**. chịu tác động mạnh của sinh vật.

**B**. nhận được năng lượng bên trong lòng đất.

**C**. chịu tác động mạnh của con người và sinh vật.

**D**. tiếp xúc trực tiếp với khí quyển, thủy quyển và sinh quyển.

**Câu 39**. Nhiệt độ trung bình năm trên Trái Đất có xu hướng giảm dần từ vùng vĩ độ thấp về các vĩ độ cao chủ yếu do

**A**. càng về vĩ độ cao chênh lệch góc nhập xạ càng lớn.

**B**. càng về vùng vĩ độ cao thì góc nhập xạ trong năm càng nhỏ.

**C**. tầng đối lưu ở vùng vĩ độ cao mỏng hơn ở vùng vĩ độ thấp.

**D**. càng về vùng vĩ độ cao thời gian được Mặt Trời chiếu sáng trong năm càng ít.

**Câu 40**. Càng lên vĩ độ cao biên độ nhiệt trong năm càng tăng là do

**A**. góc chiếu sáng nhỏ dần.

**B**. chênh lệch góc chiếu sáng và thời gian chiếu sáng trong năm tăng dần.

**C**. càng về cực thời gian chiếu sáng càng nhỏ.

**D**. góc nhập xạ lớn.

**Câu 41.** Ở00Ở sườnỞ chân núi bên sườn đón gió, nhiệt độ không khí là 320C; đến độ cao 2500m thì nhiệt độ ở đỉnh núi lúc đó là

**A.** 100C. **B.** 170C. **C.** 190C. **D.** 200C.

**Câu 42.** Bán cầu Nam có nhiệt độ trung bình năm thấp hơn ở bán cầu Bắc là do

**A.** diện tích đại dương lớn hơn, thời gian chiếu sáng trong năm ít hơn.

**B**. thời gian chiếu sáng trong năm dài hơn, có diện tích lục địa lớn hơn.

**C.** diện tích lục địa lớn hơn, góc nhập xạ lớn hơn, có mùa hạ dài hơn.

**D**. mùa hạ dài hơn, diện tích đại dương lớn hơn, góc nhập xạ nhỏ hơn.

**Câu 43**. Các dãy núi chạy theo hướng Đông-Tây ở bán cầu Bắc sẽ có sườn đón nắng ở phía sườn

**A**. Đông. **B**. Tây. **C**. Nam. **D**. Bắc.

**Câu 44.** Sườn đông dãy Trường Sơn nước ta có gió phơn khô nóng vào mùa hạ là do nguyên nhân nào sau đây?

**A.** Có khí áp cao.

**B.** Gió Mậu Dịch thổi đến.

**C.** Gió Tây Nam thổi đến.

**D.** Bức chắn địa hình.

**Câu 45.** Khi gió khô xuống núi; núi ở độ cao 2500m, nhiệt độ của không khí trong gió là

130C thì khi xuống đến độ cao 300m, nhiệt độ không khí trong gió sẽ là

**A.** 310C. **B.** 330C. **C.**350C. **D.** 370C.

**Câu 46.** Vào mùa hạ, trung tâm áp thấp I-ran (Nam Á) hút gió

**A.** Mậu dịch từ bán cầu Nam và tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương.

**B**. Mậu dịch từ bán cầu Nam và Đông Bắc từ cao áp phương BắC.

**C.** tây nam từ Bắc Ân Độ Dương và Tín phong bán cầu Bắc.

**D**. từ Bắc Ấn Độ Dương và Đông Bắc từ cao áp phương Bắc.

**Câu 47**. Bản chất gió mùa mùa hạ ở khu vực Nam Á và Đông Nam Á có nguồn gốc hình thành từ

**A**. gió Mậu dịch bán cầu Bắc.

**B**. gió Mậu dịch bán cầu Nam v­ượt xích đạo.

**C**. gió xuất phát từ vịnh Bengan.

**D**. gió xuất phát từ Tây Nam Á.

**Câu 48.** Hiện tượng mưa ngâu của nước ta liên quan đến sự xuất hiện của gió Đông Nam và

**A.** frông cực. **B.** frông nóng.

**C.** frông lạnh. **D.** dải hội tụ nhiệt đới.

**Câu 49**. Các hoang mạc hình thành chủ yếu do nguyên nhân nằm gần dòng biển lạnh là

**A**. Na-míp, A-ta-ca-ma. **B**. Gô-bi, Na-mip.

**C**. A-ta-ca-ma, Sa-ha-ra. **D**. Na-mip, Tac-la-ma-can.

**Câu 50.** Những khu vực nằm ven dòng biển nóng có mưa nhiều tiêu biểu như

**A.** Tây Âu, Đông Braxin. **B.** Tây Nam Phi, Tây Nam Nam Mĩ.

**C.** Tây Âu, Đông Nam Á. **D.** Đông Á, Đông Phi.

**Câu 51**. Các hoang mạc lớn trên thế giới thường phân bố ở khu vực cận chí tuyến chủ yếu là do

**A**. nhận đư­ợc nguồn bức xạ từ Mặt Trời lớn.

**B**. dòng giáng từ trên cao khí quyển xuống.

**C**. khu vực áp cao thống trị, dòng biển lạnh.

**D**. có lớp phủ thực vật thư­a thớt, dòng biển lạnh.

**Câu 52**. Ở vùng ôn đới bán cầu Bắc, bờ tây lục địa có mưa nhiều quanh năm chủ yếu là do

**A**. gió Tây ôn đới, dòng biển lạnh, frông cực và ôn đới.

**B**. vị trí gần đại dương, dải hội tụ nhiệt đới, dòng biển nóng.

**C**. tác động của gió mùa, dòng biển nóng, frông cực và ôn đới.

**D**. vị trí gần đại dương, hoạt động của gió, frông, dòng biển.

**Câu 53**. Ở vùng nhiệt đới bán cầu Bắc, bờ đông lục địa có mưa nhiều chủ yếu là do

**A**. dòng biển nóng, gió mùa hoạt động, frông cực và ôn đới.

**B**. tác động của gió, dải hội tụ nhiệt đới và dòng biển.

**C**. dòng biển nóng, gió Tây ôn đới và vị trí gần đại dương.

**D**. hoạt động của gió mùa, frông ôn đới và dòng biển nóng.

**Câu 54.** Vùng ôn đới mưa nhiều chủ yếu là do

**A**. gió Tây ôn đới, dòng biển nóng, áp thấp.

**B.** gió Tây ôn đới, dòng biển lạnh, vị trí.

**C.** áp thấp ôn đới, gió Đông cực, dòng biển.

**D.** áp cao nhiệt đới, gió Mậu dịch, dòng biển.

**Câu 55**. Nguyên nhân chủ yếu của việc hình thành đai áp cao cận chí tuyến là

**A**. có tỉ lệ diện tích lục địa lớn hơn nhiều so với tỉ lệ diện tích đại dư­ơng.

**B**. nhiệt độ trong năm khá thấp, không khí co lại nên sức nén xuống bề mặt đất lớn.

**C**. thu­ờng xuyên chịu tác động của các dòng không khí có nguồn gốc từ khu vực xích đạo từ trên cao nén xuống.

**D**. diện tích hoang mạc lớn, nhiệt độ cao không khí chuyển động mạnh.

 **Câu 55.** Việc trồng rừng phòng hộ ở vùng đầu nguồn sông **không** nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

**A.** Giúp điều hoà dòng chảy cho sông ngòi.

**B.** Làm giảm sự xâm thực ở miền núi.

**C.** Chắn gió, bão và ngăn không cho cát bay, cát chảy.

**D.** Hạn chế tác hại của lũ lên đột ngột trên các sông.

**Câu 56.** Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu nhất làm cho sông ngòi nước ta có tổng lượng nước lớn?

**A.** Thảm thực vật có độ che phủ cao và lượng mưa lớn.

**B.** Lượng mưa lớn trên đồi núi dốc và ít lớp phủ thực vật.

**C.** Địa hình chủ yếu là đồi núi thấp và lượng mưa lớn.

**D.** Mưa lớn và nguồn nước từ ngoài lãnh thổ chảy vào.

**Câu 57**. Mực nước lũ của các sông ngòi ở miền Trung nước ta thường lên rất nhanh do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

**A.** Sông nhỏ, dốc, nhiều thác ghềnh.

**B.** Sông lớn, lòng sông rộng, nhiều phụ lưu.

**C.** Sông dốc, lượng mưa lớn, tập trung trong thời gian ngắn.

**D.** Sông lớn, lượng mưa lớn kéo dài trong nhiều ngày.

**Câu 58.** Nước ngầm trên lục địa phân bố không đều chủ yếu là do tác động của các nhân tố?

**A**. Nhiệt độ và bốc hơi khác nhau; địa hình mặt dốc; cấu tạo của đất đá.

**B.** Nước mưa, nước băng, tuyết tan; lượng bốc hơi nhiều hay ít; địa hình.

**C.** Nguồn cung cấp nước; địa hình; cấu tạo của đất đá; lớp phủ thực vật.

**D**. lớp phủ thực vật khác nhau; mặt đất bằng phẳng nên nước thấm nhiều.

**Câu 59.** Các hồ cạn dần và biến thành đầm lầy **không** phải do nguyên nhân nào sau đây?

**A**. đáy hồ bị lấp nông dần, thực vật phát triển, hồ trở thành đầm lầy.

**B.** Hồ có sông chảy ra, sông càng đào lòng sâu thì càng rút bớt nước của hồ.

**C.** Hồ có sông chảy vào, phù sa của sông sẽ lắng đọng và lấp dần đáy hồ.

**D.** Vùng nhiệt đới có nhiệt độ cao, nước bốc hơi nhiều, hồ trở thành đầm lầy.

**Câu 60**. Đại dương có biên độ nhiệt độ nhỏ hơn lục địa là do

**A.** đại dương là nơi chứa nước nên mát mẻ hơn lục địa.

**B.** bề mặt các lục địa nhận được lượng bức xạ nhiều hơn đại dương.

**C.** đất hấp thụ nhiệt nhanh hơn nhưng tỏa nhiệt cũng nhanh hơn nước.

**D.** độ cao trung bình của các lục địa lớn hơn độ cao trung bình của các đại dương.

**Câu 65.** Nơi có dòng biển nóng và dòng biển lạnh gặp nhau thường hình thành

**A.** các ngư trường. **B.** các bãi tắm.

**C.** các vịnh biển. **D.** các bãi san hô.

**Câu 61.** Nơi nào sau đây có khí hậu ấm, mưa nhiều?

**A.** Bờ đông đại dương ở vùng ôn đới.

**B**. Bờ tây đại dương ở vùng ôn đới.

**C.** Bờ tây lục địa ở vùng chí tuyến.

**D**. Bờ đông lục địa ở vùng ôn đới.

**Câu 62.** Ở vùng núi cao quá trình hình thành đất yếu, chủ yếu là do

**A.** trên núi cao áp suất không khí nhỏ.

**B.** nhiệt độ thấp nên phong hoá chậm.

**C.** lượng mùn ít, nghèo nàn.

**D.** độ ẩm quá cao, mưa nhiều.

**Câu 63.** Các nhân tố nào sau đây có tác động quan trọng nhất đến việc hình thành nên các thành phần chủ yếu của đất?

**A**. Đá mẹ, khí hậu. **B**. Khí hậu, sinh vật.

 **C.** Sinh vật, đá mẹ. **D.** Địa hình, đá mẹ.

**Câu 64**. Loại đất nào thích hợp với sự phát triển của các cây sú, vẹt, đước, bần, mắm?

**A.** Đất cát. **B.** Đất phèn. **C.** Đất mặn. **D.** Đất feralit.

**Câu 65.** Nguyên nhân do đâu mà các tỉnh miền núi phía Bắc của nước ta thường bị lũ quét?

**A.** Địa hình dốc, dễ xói mòn, mất lớp phủ thực vật.

**B.** Địa hình dốc, tầng đất mỏng, ít chất dinh dưỡng.

**C.** Địa hình thấp, trũng, có nhiều sông lớn.

**D.** Địa hình thấp, đất phù sa màu mỡ.

**Câu 66.** Điều kiện nhiệt, ẩm và nước ở các vùng nào là những môi trường thuận lợi để sinh vật phát triển?

**A.** Nhiệt đới ẩm, cận nhiệt lục địa, ôn đới lạnh, hoang mạc.

**B.** Xích đạo, nhiệt đới ẩm, cận nhiệt lục địa, ôn đới lạnh ẩm.

**C.** Nhiệt đới, cận nhiệt ẩm, ôn đới lục địa, cực và gần cực.

**D.** Xích đạo, nhiệt đới ẩm, cận nhiệt ẩm, ôn đới hải dương.

**Câu 67**. Thực vật có ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố động vật chủ yếu do

**A.**Thực vật là nguồn cung cấp thức ăn cho nhiều loại đông vật.

**B.** Thực vật là noi trú ngụ cho nhiều loại đông vật.

**C.** Sự phát triển thực vật làm thay đổi môi trường sống của động vật.

**D.** Sự phát tán một số loài thực vật mang theo một số loài động vật.

**Câu 68.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với mối quan hệ giữa động vật và thực vật?

**A**. Động vật có quan hệ với thực vật về nơi cư trú và nguồn thức ăn.

**B**. Nhiều loài động vật ăn thực vật lại là thức ăn của động vật ăn thịt.

**C**. Động vật ăn thực vật, động vật ăn thịt cùng sống một môi trường.

**D**. Ở nơi nào động vật phong phú thì thực vật không được phát triển.

**Câu 69.** Các thảm thực vật trên Trái Đất rất đa dạng chủ yếu là do tác động của các nhân tố

**A**. khí hậu, đất, địa hình, con người.

**B**. thời gian, khí hậu, con người, sinh vật.

**C**. thổ nhưỡng, địa hình, con người, đá mẹ.

**D**. Đá mẹ, khí hậu, sinh vật, thời gian.

**Câu 70.** Trâu được nuôi nhiều ở miền Bắc nước ta là do

**A.** thời tiết lạnh. **B.** nhiều núi.

**C.** nhu cầu của người dân cao. **D.** có nhiều đồi núi.

**Câu 71.** Ý nào sau đây **không** đúng khi nói về vai trò của con người đối với sự phân bố sinh vật trên Trái Đất?

**A.** Làm thu hẹp diện tích rừng làm tuyệt chủng nhiều loại động thực vật.

**B.** Lai tạo để cho ra nhiều giống mới làm đa dạng thêm giới sinh vật.

**C.** Di cư các loại cây trồng và vật nuôi làm thay đổi sự phân bố nguyên thủy.

**D.** Làm thay đổi khí hậu trên Trái Đất nên đã làm thay đổi sự phân bố sinh vật.

**Câu 72.** Ở kiểu khí hậu cận nhiệt lục địa, thực vật hầu như **không** phát triển, hình thành các hoang mạc chủ yếu do nguyên nhân?

**A.** Gió thổi mạnh. **B.** Nhiệt độ quá cao.

**C.** Độ ẩm quá thấp. **D.** Thiếu ánh sáng.

**Câu 73.** Khí hậu nhiệt đới gió mùa có kiểu thảm thực vật và nhóm đất chính nào?

**A.** Rừng lá rộng và rừng hỗn hợp, đất nâu và xám.

**B.** Rừng nhiệt đới ẩm, đất đỏ vàng cận nhiệt ẩm.

**C.** Rừng cận nhiệt ẩm, đất đỏ, nâu đỏ.

**D.** Rừng nhiệt đới ẩm, đất đỏ vàng (feralit).

**Câu 74.** Trên thế giới, diện tích đất đỏ vàng (feralit), đen nhiệt đới tập trung nhiều nhất ở khu vực

**A.** nội chí tuyến.

**B.** chí tuyến Bắc đến vòng cực Bắc.

**C.** vòng cực Bắc đến cực Bắc.

**D.** chí tuyến Bắc đến vòng cực Bắc.

**Câu 75**. Trên thế giới, diện tích hoang mạc và bán hoang mạc tập trung tập trung nhiều nhất ở khu vực

**A.** Bắc Phi. **B.** Trung Phi.

**C.** Nam Phi. **D.** Đông Phi.

**Câu 76.** Ở dãy núi Hoàng Liên Sơn của Việt Nam, đỉnh Phan - xi - păng có độ cao 3143m, ở đỉnh núi có kiểu thực vật nào?

**A.** Cây nhiệt đới lá rộng thường xanh.

**B.** Cây cận nhiệt lá rộng và lá kim.

**C.** Cây ôn đới.

**D.** Cây bụi gai.

**Câu 77.** Việc phá rừng bừa bãi gây nên hậu quả chủ yếu nào sau đây?

**A.** địa hình bị biến đổi, đất đai bị xói mòn.

**B.** Mực nước ngầm hạ thấp, mất cân bằng khí quyển.

**C.** Động vật mất nơi cư trú, thay đổi dòng chảy sông.

**D.** làm thay đổi nhiều thành phần của tự nhiên.

**Câu 78**. Biểu hiện nào dưới đây **không** thể hiện qui luật thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lí?

**A.** trong năm, mùa lũ của các con sông thường diễn ra trùng với mùa mưa.

**B.** những trận động đất lớn trên lục địa thường gây ra hiện tượng sóng thần.

**C.** lượng CO2 trong khí quyển tăng lên theo nhiệt độ Trái Đất nóng lên.

**D.** rừng đầu nguồn bị mất làm cho chế độ nước sông trở nên thất thường.

**Câu 79**. Việc phá hoại rừng phòng hộ ở thượng nguồn sông sẽ dẫn tới hậu quả

**A.** mực nước sông quanh năm thấp, chảy chậm.

**B.** mực nước sông quanh năm cao, chảy xiết.

**C.** mùa lũ nước sông dâng cao đột ngột, mùa cạn mực nước cạn kiệt.

**D.** sông hầu như không còn nước, chảy quanh co uốn khúc.

**Câu 80.** Vòng đai lạnh trên trái đất có vị trí

**A.** Nằm giữa đường đẳng nhiệt + 10oC và 0oC của tháng nóng nhất.

**B.** Nằm giữa đường đẳng nhiệt + 10oC và 0oC.

**C.** Nằm từ vĩ tuyến 50o đến vĩ tuyến 70o.

**D.** Nằm từ vòng cực đến vĩ tuyến 70o

**Câu 81.** Vòng đai băng giá vinh cửu có đặc điểm

**A.** Nằm bao quanh cực, nhiệt độ tháng nóng nhất dưới 0oC.

**B.** Nằm bao quanh cực, nhiệt độ quanh năm dưới 0oC.

**C.** Nằm từ vĩ tuyến 70o lên cực, nhiệt độ tháng nóng nhất dưới 0oC.

**D.** Nằm từ vĩ tuyến 70o lên cực, nhiệt độ quanh năm dưới 0oC.

**Câu 82**. Trên cùng một vĩ tuyến, từ Tây sang Đông ở các lục địa có sự khác nhau về thảm thực vật do bị chi phối bởi quy luật

**A.** địa đới. **B.** địa ô. **C.** đai cao. **D.** phi địa đới.

**Câu 83**. Nhiệt độ trung bình năm của Đà Lạt thấp hơn Nha Trang là biểu hiện của quy luật nào sau đây?

**A.** Địa ô. **B.** Đai cao. **C.** Địa đới. **D.** Thống nhất.

**Câu 84**. Thảm thực vật nào dưới đây **không** hình thành theo quy luật địa đới?

**A.** Rừng lá kim ở ôn đới. **B.** Rừng lá kim ở nước ta.

**C.** Thảo nguyên ở Trung Á. **D.** Rừng nhiệt đới ẩm ở nước ta.

**Câu 85**. Quy luật đai cao được thể hiện rõ nhất ở khu vực nào của nước ta?

**A.** Tây Bắc. **B.** Đông Bắc.

**C.** Trường Sơn Bắc. **D.** Trường Sơn Nam.

**Câu 86**. Quy luật nào sau đây thể hiện rõ nhất trên lãnh thổ nước ta?

**A.** Địa ô. **B.** Địa đới.

**C.** Đai cao. **D.** Phi địa đới.

**Câu 87**. Điểm giống nhau của quy luật địa đới và phi địa đới là sự thay đổi có quy luật của các thành phần địa lí theo

**A.** vĩ độ. **B.** độ cao.

**C.** kinh độ. **D.** không gian.

**Câu 88**. Quy luật địa ô thể hiện rõ nhất ở quốc gia nào sau đây?

**A.** Hoa Kì. **B.** Việt Nam.

**C.** Nhật Bản. **D.** In-đô-nê-xi-a.

**Câu 89.** Các loại gió nào dưới đây biểu hiện cho quy luật địa đới?

**A.** Gió mậu dịch, gió mùa, gió tây ôn đới.

**B.** Gió mùa, gió tây ôn đới, gió fơn.

**C.** Gió mậu dịch, gió đông cực, gió fơn.

**D.** Gió mậu dịch, gió tây ôn đới, gió đông cực.

**Câu 90.** Quy luật địa đới có biểu hiện nào dưới đây?

**A.** Vòng tuần hoàn của nước. **B.** Các hoàn lưu trên đại dương.

**C.** Các đai khí áp và các đới gió trên trái đất. **D.** Các vanh đai đất và thực vật theo độ cao.

**PHẦN II. TỰ LUẬN**

1. Hệ quả các chuyển động của Trái Đất

+ Hệ quả chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất.

+ Hệ quả chuyển động xung quanh Mặt Trời của Trái Đất.

2. Nội lực và ngoại lực

+ Nội lực và tác động của nội lực đến sự hình thành địa hình bề mặt Trái Đất

+ Ngoại lực và tác động của ngoại lực đến sự hình thành địa hình bề mặt Trái Đất

3. Khí quyển

+ Sự phân bố nhiệt độ không khí trên Trái Đất.

+ Khí áp và gió.

+ Các nhân tố ảnh hưởng đến lượng mưa; Sự phân bố mưa trên Trái Đất.

+ Phân tích đặc điểm nhiệt độ và lượng mưa của của một số kiểu khí hậu tại các địa điểm.

4. Thủy quyển

+ Nước trên lục địa.

+ Nước biển và đại dương.

5. Sinh quyển

+ Đất.

+ Sinh quyển, các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố của sinh vật.

6. Một số quy luật của vỏ địa lí

+ Quy luật địa đới.

+ Quy luật phi địa đới.

7. Địa lí dân cư

**PHẦN III. KĨ NĂNG**

* Vẽ biểu đồ
* Xử lí, nhận xét bảng số liệu
* Các dạng bài tập chuyển động của Trái Đất (Tính góc nhập xạ, ngày giờ vĩ độ mặt trời lên thiên đỉnh)
* Xác định kiểu khí hậu.
* Bài tập liên quan đến dân số